

HƯỚNG DẪN

Tiêu chí xác định cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch đô thị để triển khai Kế hoạch di dời vào cụm công nghiệp Phương Nam

Thực hiện Nghị quyết số 201/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc “Ban hành chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp quy hoạch đô thị phải di dời trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025”; Hướng dẫn số 7469/HD -UBND ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 201/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc “Ban hành chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp quy hoạch đô thị phải di dời trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025”; Hướng dẫn số 3226/HĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Hướng dẫn số 7469/HD -UBND ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 201/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Hướng dẫn số 5760/TNMT-BVMT ngày 28/9/2017 của Sở Tài nguyên và môi trường; Hướng dẫn số 2830/SXD-QH ngày 17/8/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh về “Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 10/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh” và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan.

Căn cứ Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố về việc triển khai Nghị quyết số 201/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch đô thị vào Cụm công nghiệp thành phố Uông Bí đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn tiêu chí xác định cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch đô thị để triển khai Kế hoạch di dời vào cụm công nghiệp Phương Nam, cụ thể như sau:

I. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH

1. Tiêu chí về ngành nghề

- Sản xuất, gia công cơ khí;
- Chế biến và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa;

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, phương tiện vận tải và các thiết bị máy móc, máy công trình (*Phương tiện máy móc, máy công trình, máy công nghiệp...*);
- Giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (*gạch, sản phẩm từ xi măng, cát, đá, sỏi; sản phẩm gốm sứ khác...*);
- Chế biến thủy hải sản (*đông lạnh, khô, nước mắm...*);
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy;
- Tái chế phế liệu;
- Xay xát và sản xuất bột;

2. Tiêu chí về môi trường

- Tổ chức kiểm tra, lấy mẫu phân tích, đánh giá để xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở tiểu thủ công nghiệp trong khu dân cư, đô thị được xác định gây ô nhiễm môi trường nếu có từ 01 (một) thông số môi trường trở lên về nước thải hoặc khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng hiện hành. Các thông số môi trường trên được xác định trong chương trình giám sát môi trường tại hồ sơ pháp lý về môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận/phê duyệt theo quy định hoặc tham khảo theo danh mục các thông số môi trường của các loại hình cơ sở (có phụ lục kèm theo).

- Việc phát tán mùi hôi thối vào môi trường; phát tán hóa chất, hơi dung môi hữu cơ trong khu sản xuất hoặc khu dân cư gây mùi đặc trưng của hóa chất, hơi dung môi hữu cơ đều là hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường theo Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Điều 20, Điều 21).

- Đối với các cơ sở hoạt động không có hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường được xác định là vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường như quy định tại Điều 11- Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Mặt khác, UBND tỉnh đã chỉ đạo kiên quyết không để các dự án triển khai hoạt động khi chưa có đầy đủ các thủ tục pháp lý về môi trường... trường hợp cần thiết yêu cầu dừng hoạt động.

3. Tiêu chí sự phù hợp về quy hoạch và sử dụng đất

Đối với những cơ sở hiện đang sử dụng đất ở, đất vườn, đất trồng cây lâu năm ... để sản xuất; Cơ sở nằm trong các quy hoạch dự án, công trình chuẩn bị triển khai, nhất là các dự án xây dựng, công trình hạ tầng xã hội như giao thông, công viên cây xanh, trường học, bệnh viện, nhà ở xã hội...đều là những cơ sở không phù hợp với quy hoạch đô thị. Ngoài ra, phải căn cứ theo giấy chứng nhận quyết sử dụng đất của các cơ sở cung cấp để xác định.

4. Tiêu chí về các điều kiện hoạt động sản xuất

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Hồ sơ lập và đăng ký xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản;
- Giấy chứng nhận về phòng cháy, chữa cháy do cơ quan có thẩm quyền cấp.

II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

- Xác định ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Xác định mức độ gây ô nhiễm môi trường: Theo các thông số về tiếng ồn, độ rung, lượng khí thải, bụi và nước thải ra môi trường, cụ thể:
 - + Xác định tiếng ồn, độ rung: Bằng phương pháp đo tiếng ồn và độ rung;
 - + Xác định lượng khí thải, bụi và nước thải ra môi trường: Bằng phương pháp lấy mẫu.
- Xác định sự phù hợp quy hoạch: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Xác định điều kiện hoạt động sản xuất: Thông qua giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy; Xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Trong quý 3, quý 4/2023:

+ UBND các phường, xã căn cứ Hướng dẫn “*Tiêu chí xác định cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch đô thị*” tổ chức kiểm tra, rà soát, thẩm định và phê duyệt danh sách các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải di dời vào cụm công nghiệp Phương Nam chuyển về Tổ giúp việc UBND thành phố, thường trực là phòng Kinh tế để hợp Tổ thẩm định trình UBND thành phố phê duyệt hỗ trợ.

+ UBND các phường, xã phối hợp Tổ công tác UBND thành phố hướng dẫn các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải di dời vào cụm công nghiệp Phương Nam nộp hồ sơ xin đăng ký vào hoạt động tại Cụm công nghiệp Phương Nam. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ đăng ký là Công ty cổ phần công nghiệp Cẩm Thịnh.

- Từ năm 2024 -2025:

+ Tham mưu UBND thành phố quyết định phê duyệt danh sách các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch đô thị phải di dời ra khỏi khu dân cư;

+ Tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách chi trả hỗ trợ cho hoạt động di dời.

+ Tham mưu UBND thành phố quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cơ sở TTCN di dời vào cụm công nghiệp, thực hiện chuyển đổi nghề hoặc chấm dứt hoạt động trên địa bàn thành phố;

+ Tham mưu UBND thành phố ban hành Thông báo về việc tháo dỡ, dọn dẹp mặt bằng, nhà xưởng của các cơ sở TTCN thực hiện di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp vào Cụm công nghiệp Phương Nam, tự chuyển đổi nghề hoặc chấm dứt hoạt động trên địa bàn thành phố

+ Tiếp tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tháo dỡ vận chuyển di dời đến địa điểm mới; chi phí tháo dỡ dọn dẹp mặt bằng và xây dựng lại đối với cơ sở

chuyển đổi ngành nghề; chi phí tháo dỡ dọn dẹp mặt bằng đối với cơ sở chấm dứt hoạt động; Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư nhà, xưởng; Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tiền thuê mặt bằng theo quy định tại mục II.1; II.2; II.3/Hướng dẫn số: 7469/HD-UBND ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh, để họp Tổ thẩm định trình UBND thành phố phê duyệt hỗ trợ theo quy định.

+ Triển khai di dời các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp (theo danh sách đã được phê duyệt) vào Cụm công nghiệp Phương Nam.

IV. CƠ CHẾ HỖ TRỢ CHO CÁC CƠ SỞ DI DỜI

Theo Nghị quyết số 201/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

1. Về cơ chế hỗ trợ

1.1 Hỗ trợ chi phí di dời: Tổng mức hỗ trợ tối đa cho mỗi chủ cơ sở 300.000.000 đồng/cơ sở.

- Các cơ sở di dời đến địa điểm mới:

+ Hỗ trợ chi phí tháo dỡ (nhà xưởng) và chi phí vận chuyển (nhà xưởng, thiết bị): Mức hỗ trợ là 300.000 đồng/m² nhà xưởng tại thời điểm dừng hoạt động để thực hiện di dời.

+ Hỗ trợ nhà xưởng nơi di chuyển đến: Hỗ trợ 60% chi phí thực tế đầu tư xây dựng nhà xưởng (không bao gồm máy móc, thiết bị) tại địa điểm mới theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình do Bộ Xây dựng ban hành đối với loại hình công trình xây dựng mới.

- Các cơ sở tự chuyển đổi ngành nghề hoặc tự chấm dứt hoạt động: Hỗ trợ một lần kinh phí phá dỡ, dọn dẹp mặt bằng và xây dựng lại. Mức hỗ trợ là 500.000 đồng/m² nhà xưởng.

1.2 Hỗ trợ thuê mặt bằng:

Hỗ trợ thuê mặt bằng trong 02 năm kể từ ngày đi vào hoạt động tại vị trí mới trên cơ sở có hợp đồng với chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, cụ thể: đối với diện tích không quá 1.000m² hỗ trợ 100% giá thuê mặt bằng; đối với diện tích trên 100m² hỗ trợ 70% giá thuê mặt bằng.

Diện tích thuê tại địa điểm mới bằng diện tích hiện sử dụng tại cơ sở trước khi di dời hoặc theo nhu cầu thực tế sản xuất kinh doanh nhưng phần diện tích được ngân sách hỗ trợ không quá 200% diện tích sử dụng tại cơ sở trước khi di dời.

1.3 Hỗ trợ để thực hiện chế độ cho người lao động khi di dời:

- **Hỗ trợ trả lương cho người lao động trong thời gian ngừng sản xuất:**

Các cơ sở khi di dời đến địa điểm mới hoặc tự chuyển đổi ngành nghề phải tạm ngừng sản xuất, được hỗ trợ một lần để chi trả tiền lương cho người lao động trong thời gian ngừng hoạt động.

Mức hỗ trợ: Mỗi tháng ngừng việc được hỗ trợ 1 tháng tiền lương, tối đa không quá 6 tháng tiền lương; tiền lương để tính hỗ trợ bằng tiền lương tối thiểu vùng theo quy định tại thời điểm di dời

- **Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề:**

Người lao động không có nhu cầu làm việc cùng cơ sở sau khi di dời đến địa điểm mới, muốn chuyển đổi nghề hoặc người lao động tại các cơ sở tự chuyển đổi nghề hoặc người lao động có nguyện vọng chuyển đổi nghề tại các cơ sở tự chấm dứt hoạt động thì được hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo không quá 3 tháng. Mức hỗ trợ cho người lao động bằng 100% chi phí đào tạo theo quy định hiện hành

- *Hỗ trợ trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại các cơ sở tự chấm dứt hoạt động hoặc sau khi di dời đến địa điểm mới mà người lao động không tiếp tục làm việc:* Mức hỗ trợ: mỗi năm làm việc cho người sử dụng lao động được hỗ trợ 1 tháng tiền lương, tối đa bằng 3 tháng lương; tiền lương để tính hỗ trợ bằng tiền lương tối thiểu vùng theo quy định tại thời điểm di dời.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách thành phố.

3. Thời gian áp dụng chính sách: Đến hết ngày 31/12/2025.

4. Thủ tục hồ sơ đề nghị thụ hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết 201/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019/ NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Hướng dẫn số 7469/HD -UBND ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 201/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc “Ban hành chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp quy hoạch đô thị phải di dời trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025”.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên đây là Hướng dẫn “*Tiêu chí xác định cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch đô thị để triển khai Kế hoạch di dời vào cụm công nghiệp Phương Nam*” của UBND thành phố Uông Bí, làm cơ sở để UBND các phường, xã, phòng ban, đơn vị căn cứ triển khai.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc, yêu cầu UBND các phường; xã, phòng ban, đơn vị báo cáo về UBND thành phố để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy; TT HĐND thành phố (Báo cáo);
- Các thành viên TCT di dời (theo Quyết định số 3476/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND TP);
- Các phòng: Kinh tế; TNMT; QLĐT; TCKH; Đội kiểm tra TTĐT&MT; TT PTQĐ (thực hiện);
- UBND các phường, xã (thực hiện);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoà

**Thông số môi trường đặc trưng về nước, khí thải, bụi, tiếng ồn,
độ rung của các loại hình cơ sở**



TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD ₅ , COD, Tổng N, tổng P	Bụi tổng, Clo, NO _x , SO ₂	Tiếng ồn, độ rung
1	Sản xuất, gia công cơ khí	As, Cd, Cr ⁶⁺ , Cr ³⁺ , Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng, Xianua (Theo QCVN 03: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh)	As, Cd, Cu, Pb, Zn, bụi (Theo QCVN 5: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh)	Tiếng ồn (Theo QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn) Độ rung (Theo QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)
2	Chế biến và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	Phenol (Theo QCVN 03: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh)	N - Butyl Axetat (Theo QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ)	
3	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các động cơ khác (phương tiện máy mỏ, máy công trình, máy công nghiệp...)	Coliform, dầu mỡ khoáng (Theo QCVN 03: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh)		
4	Giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm	Amoni, Coliform, dầu mỡ động thực vật, Sunfua (Theo QCVN 03: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh)	H ₂ S, NH ₃ (Theo QCVN 01-15: 2010/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học) Metyl Mercaptan (Theo QCVN 20: 2009/BTNMT — Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ)	
5	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	Nhiệt độ, BOD ₅ ở 20°C, COD, TSS, độ màu (pH=7), Halogen hữu cơ dễ bị hấp thu (AOX), Dioxin (Theo QCVN 12: 2008/BTNMT- Quy chuẩn	Clo, H ₂ S (Theo QCVN 05: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ	Tiếng ồn (Theo QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn) Độ rung (Theo QCVN 27: 2010/BTNMT -

		 kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy	tỉnh Quảng Ninh)	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)
6	Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, sản phẩm từ xi măng, thạch cao, cát, đá, sỏi; sản phẩm gốm sứ khác)	Clo, Phenol, Xianua, Dầu mỡ khoáng (Theo QCDP 03: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh)	Bụi chứa Silic, HF (Theo QCDP 05: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tính Quảng Ninh)	
7	Chế biến thủy hải sản (đông lạnh, khô, nước mắm...)	Amoni, dầu mỡ động thực vật, Clo dư, Coliform (Theo QCVN 11: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản)	Amoni, H ₂ S (Theo QCDP 05: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh) Metyl Mercaptan (Theo QCVN 20: 2009/BTNMT — Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ)	Tiếng ồn (Theo QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)
8	Xay xát, sản xuất bột	Amoni, Clo, Coliform, Sunfua, Xianua. Coliform (Theo QCDP 03: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh)	H ₂ S, NH ₃ (Theo QCDP 05: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh)	
9	Tái chế phế liệu	As, Cd, Cr ⁶⁺ , Cr ³⁺ , Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng, Clo Xianua, Phenol (Theo QCDP 3: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh)	As, Cd, Cu, Pb, Zn, Sb (Theo QCDP 05: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tính Quảng Ninh)	
10	Đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy	Dầu mỡ khoáng, Phenol (Theo QCDP 03: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh)	HCN, HNO ₃ , SO ₃ (Theo QCDP 05: 2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tính Quảng Ninh)	Tiếng ồn (Theo QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn) Độ rung (Theo QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)

UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
PHÒNG TN & MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 198/TNMT

Uông Bí, ngày 04 tháng 7 năm 2023

V/v hướng dẫn xác định các cơ sở gây ô nhiễm môi trường phải di dời theo Nghị quyết số 201/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Phòng Kinh tế thành phố.

Thực hiện Thông báo kết luận số 1400/TB-UBND ngày 30/6/2023 của đồng chí Nguyễn Đức Hoà - Phó chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo công tác triển khai, thực hiện hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp quy hoạch đô thị phải di dời trên địa bàn thành phố đến năm 2025; Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có ý kiến như sau:

1. Tiêu chí về gây ô nhiễm môi trường:

- Tổ chức kiểm tra, lấy mẫu phân tích, đánh giá để xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở tiểu thủ công nghiệp trong khu dân cư, đô thị được xác định gây ô nhiễm môi trường nếu có từ 01 (một) thông số môi trường trở lên về nước thải hoặc khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng hiện hành. Các thông số môi trường trên được xác định trong chương trình giám sát môi trường nêu tại hồ sơ pháp lý về môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận/phê duyệt theo quy định hoặc tham khảo theo danh mục các thông số môi trường của các loại hình cơ sở (có phụ lục kèm theo).

- Việc phát tán mùi hôi thối vào môi trường; phát tán hóa chất, hơi dung môi hữu cơ trong khu sản xuất hoặc khu dân cư gây mùi đặc trưng của hóa chất, hơi dung môi hữu cơ đều là hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường theo Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Điều 20, Điều 21). Do vậy, đề nghị rà soát, xem xét đưa vào danh sách phải di dời.

- Đối với các cơ sở hoạt động không có hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường được xác định là vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường như quy định tại Điều 11- Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Mặt khác, UBND tỉnh đã chỉ đạo kiên quyết không để các dự án triển khai hoạt động khi chưa có đầy đủ các thủ tục pháp lý về môi trường... trường hợp cần thiết yêu cầu dừng hoạt động. Do vậy, có thể xem xét rà soát đưa vào danh sách các cơ sở phải di dời.

2. Đề nghị Tổ công tác cần xem xét, kiểm tra về đất đai của các cơ sở để xác định vị trí cụ thể từng cơ sở, đề phòng Quản lý đô thị thực hiện chồng ghép, đối

chiếu sự phù hợp quy hoạch làm cơ sở hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp theo quy định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tham gia ý kiến đề Phòng Kinh tế thành phố tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TNMT.



UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Số: 180/QLĐT

V/v hướng dẫn, xác định các cơ sở
tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi
trường hoặc không phù hợp quy hoạch
đô thị phải di dời trên địa bàn thành
phố đến năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 05 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Phòng Kinh tế thành phố Uông Bí.

Thực hiện Thông báo kết luận số 1400/TB-UBND ngày 30/6/2023 của UBND thành phố Uông Bí tại cuộc họp nghe báo cáo công tác triển khai, thực hiện hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp quy hoạch đô thị phải di dời trên địa bàn thành phố đến năm 2025, phòng Quản lý đô thị có ý kiến như sau:

1. Tiêu chí sự phù hợp về quy hoạch và sử dụng đất

Đối với những cơ sở hiện đang sử dụng đất ở, đất vườn, đất trồng cây lâu năm...để sản xuất; Cơ sở nằm trong các quy hoạch dự án, công trình chuẩn bị triển khai, nhất là các dự án xây dựng, công trình hạ tầng xã hội như giao thông, công viên cây xanh, trường học, bệnh viện, nhà ở xã hội...đều là những cơ sở không phù hợp với quy hoạch đô thị; Ngoài ra, phải căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các cơ sở cung cấp, để xác định.

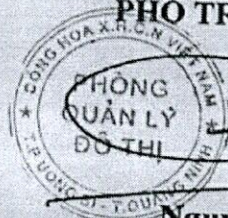
2. Đề nghị các Đoàn kiểm tra của UBND các xã, phường rà soát, cung cấp các hồ sơ có liên quan về đất đai của các cơ sở, để phòng Quản lý đô thị xác định vị trí cụ thể từng cơ sở, thực hiện chồng ghép, đối chiếu sự phù hợp quy hoạch theo quy định.

Phòng Quản lý đô thị tham gia ý kiến đề phòng Kinh tế tổng hợp báo cáo UBND thành phố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: QLĐT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Thọ